

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Trần Thúy N, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2023, trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Lê Trần Thúy N, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại xã L, thị xã T, tỉnh An Giang. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước. Sau khi cưới chị và anh S cùng sống bên gia đình nhà anh S. Một thời gian sau, vợ chồng cùng lên Bình

Dương làm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến ngày 28/12/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do chị phát hiện anh S có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng cự cãi nhau gây gắt, anh S nói không còn tình cảm với chị nữa, sau đó anh S dọn đồ đi nơi khác sống và vợ chồng không còn sống từ lúc đó cho đến nay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ khi không còn sống chung, chị và anh S không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Chị và anh S chung sống có 02 con chung, tên Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 28/02/2013 và Nguyễn Lê Hoàng B, sinh ngày 28/9/2020, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Các con chung hiện đang sống cùng chị và cha mẹ chị, từ lúc không còn sống chung thì việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đều do chị làm, anh S không đến thăm nom con chung, cũng không gửi tiền cho chị nuôi con. Gia đình chị ngoài hai con của chị thì không còn đứa cháu nào khác nên cha mẹ chị cũng có phụ chị chăm sóc con chung. Hiện tại chị đang làm công nhân thu nhập hàng tháng trừ đi tiền sinh hoạt cá nhân còn dư lại từ 5.000.000đ đến 11.000.000đ, đủ khả năng nuôi dưỡng hai con chung, còn anh S cũng làm công nhân nhưng không rõ thu nhập hàng tháng bao nhiêu tiền.

3. Về tài sản chung: Chị và anh S chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh S chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh S vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Trần Thúy N. Về hôn nhân: Cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Hoàng Y, sinh ngày 28/02/2013 và Nguyễn Lê Hoàng B, sinh ngày 28/9/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không

phải cấp dưỡng nuôi con do chị **N** tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung chị **N** trình bày không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Lê Trần Thúy N** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh **Nguyễn Văn S**. Hiện anh **S** đang cư trú tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị **Lê Trần Thúy N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Nguyễn Văn S** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh **S** vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị **N**, anh **S** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị **Lê Trần Thúy N** và anh **Nguyễn Văn S** được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/HT, quyển 01/2014, ngày 22/3/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh An Giang** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị **Lê Trần Thúy N** và anh **Nguyễn Văn S** chung sống mâu thuẫn với nhau là có thật, vì các nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh **S** có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị **N** và anh **S** không sống chung với nhau từ ngày 28/12/2020 cho đến nay và cũng không hàn gắn được tình cảm. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho chị **N**, anh **S** được đoàn tụ nhưng chị **N** vẫn cương quyết ly hôn với anh **S**. Anh **S** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **S** cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị **N**, điều này cho thấy anh **S** không có thiện chí để đoàn tụ với chị **N**. Nhận thấy hôn nhân giữa chị **N**, anh **S** không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị **Lê Trần Thúy N** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn S** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy hai con chung **Nguyễn Lê Hoàng Y**, sinh ngày 28/02/2013 và **Nguyễn Lê Hoàng B**, sinh ngày 28/9/2020, hiện đang sống cùng chị **N** ổn định, được đảm bảo về mọi mặt và con chung **Hoàng Y** có nguyện vọng sống cùng chị **N**. Nghĩ nên giao hai con chung **Hoàng Y**, **Hoàng B** cho chị **N** được tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Văn S** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **N** tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh **S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **S** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **N** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **S** theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị **N** trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị **Lê Trần Thúy N** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0006042 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Trần Thúy N**. Cho chị **Lê Trần Thúy N** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn S**.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao hai con chung **Nguyễn Lê Hoàng Y**, sinh ngày 28/02/2013 và **Nguyễn Lê Hoàng B**, sinh ngày 28/9/2020 cho chị **Lê Trần Thúy N** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh **Nguyễn Văn S** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **N** tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Sau khi ly hôn, anh **S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh **S** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **N** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **S**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Lê Trần Thúy N** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0006042 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Thùy Dung